

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Giải tích số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Quý Mười

2. Ngày tháng năm sinh: 20/01/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Quảng Trung, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 47 Dương Bích Liên, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phạm Quý Mười, Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, 459 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904169124;

E-mail: pqmuoi@ued.udn.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 05,2004 đến tháng, năm 07,2012: Giảng viên tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 08,2012 đến tháng, năm 03,2016: Tổ trưởng Tổ toán giải tích tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 04,2016 đến tháng, năm 03,2017: Phó trưởng khoa tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 04,2017 đến tháng, năm 03,2020: Trưởng phòng tại Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 03,2020 đến tháng, năm 06,2022: Trưởng Khoa tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại

học Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 459 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 3841323-119

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 05 tháng 08 năm 2003, số văn bằng: B0427038, ngành: Sư phạm Toán - Tin, chuyên ngành: Toán - Tin học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Việt nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 10 tháng 06 năm 2008, số văn bằng: 1296/08/TN, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 27 tháng 07 năm 2012, số văn bằng: , ngành: Toán học, chuyên ngành: Giải tích số; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Bremen, CHLB Đức

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bài toán ngược và phương pháp chính hóa;

- Bài toán tối ưu, giải thuật và nghiệm số.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 15 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 11 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Đà Nẵng	2016-2017
2	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Đà Nẵng	2017-2018
3	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Đà Nẵng	2019-2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi luôn chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của cơ quan đang công tác; Có phẩm chất đạo đức tốt; Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên theo Luật giáo dục và Điều lệ trường đại học; Có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình trong công tác, có trách nhiệm với sinh viên và đam mê nghiên cứu khoa học; Có đủ sức khỏe để công tác; Luôn có ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng nhân cách của người học; đối xử công bằng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học; Có khả năng làm việc nhóm và phát huy được năng lực làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học; Tích cực tham gia các hoạt động do đơn vị tổ chức; Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 2 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

1	2016-2017			3	1	210	60	270/650.8/196
2	2017-2018			2		90	180	270/550.2/87
3	2018-2019			4	3	135	165	300/729.4/92
03 năm học cuối								
4	2019-2020			1	2	165	105	270/515.9/168
5	2020-2021			2	2	300	240	540/1107.8/240
6	2021-2022			3		150	120	270/597.6/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Liên bang Đức năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Thị Như Quỳnh		X	X		06/2015 đến 05/2016	Đại học Đà Nẵng	12/05/2016
2	Nguyễn Hạ Vi		X	X		02/2016 đến 12/2016	Đại học Đà Nẵng	19/12/2016
3	Nguyễn Thị Quý Hiếu		X	X		03/2017 đến 11/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017
4	Nguyễn Đức Tới		X	X		03/2017 đến 11/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017

5	Nguyễn Thị Liêu Noa		X	X		03/2017 đến 11/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017
6	Đoàn Thị Hoàng Trang		X	X		02/2018 đến 07/2018	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	11/07/2018
7	Đỗ Viết Lân		X	X		02/2018 đến 07/2018	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	11/07/2018
8	Trần Đoàn Thảo Nguyên		X	X		10/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/06/2019

9	Huỳnh Thị Thanh Huyền		X	X		10/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/06/2019
10	Vũ Thị Tường Minh		X	X		05/2019 đến 12/2019	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	31/12/2019
11	Hà Thị Na		X	X		11/2019 đến 04/2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	09/04/2021
12	Huỳnh Đức Vũ		X	X		09/2020 đến 06/2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	28/06/2021

13	Mai Nguyễn Minh Hoàng		X	X		02/2021 đến 04/2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	13/04/2022
14	Nguyễn Lê Duy Khang		X	X		02/2021 đến 04/2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	13/04/2022
15	Nguyễn Song Toàn		X	X		02/2021 đến 04/2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	13/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Lý thuyết bài toán đặt không chỉnh (ISBN: 978-604-80-3256-2)	GT	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, năm 2018	1	MM		809/QĐ-ĐHSP, ngày 4/6/2018
2	Phương pháp phần tử hữu hạn (ISBN: 978-604-80-1934-1)	TK	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, năm 2016	2	CB	(33 - 158)	526/QĐ-ĐHSP, ngày 15/6/2016

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 2 ([1] [2])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Bài toán tối ưu không trơn: lý thuyết, một số giải thuật và ứng dụng	CN	B2016-DNA-44-TT, cấp Bộ	01/12/2016 đến 31/12/2018	05/08/2019/Xếp loại xuất sắc
2	Bài toán ngược và phương pháp chỉnh hóa thừa	CN	Đ2013-03-40, cấp Cơ sở	01/01/2013 đến 20/12/2013	17/12/2013/Xếp loại tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Gradient descent for Tikhonov functionals with sparsity constraints: theory and numerical comparison of step size rules	3	Có	Electronic Transactions on Numerical Analysis	Q2 - SCIE IF: 0.959	21	39 437-463	11/2012

2	Semismooth Newton and quasi- Newton methods in weighted l1- regularization	4	Có	Journal of Inverse and Ill-Posed Problems	Q3 - SCIE IF: 1.509	25	21, 5, 665-693	07/2013
3	Reconstructing conductivity coefficients based on sparsity regularization and measured data in electrical impedance tomography	1	Có	Inverse Problems in Science and Engineering	Q2 - SCIE IF: 1.95	7	23, 8, 1366- 1387	03/2015
4	Sparsity regularization of the diffusion coefficient identification problem: well- posedness and convergence rates	1	Có	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society	Q2 - SCIE IF: 1.554	3	39 1145- 1164	09/2015

5	Descent gradient methods for nonsmooth minimization problems in ill-posed problems	4	Có	Journal of Computational and Applied Mathematics	Q1 - SCIE <i>IF: 2.621</i>	17	298 105-122	05/2016
6	Inverse problems with nonnegative and sparse solutions: algorithms and application to the phase retrieval problem	6	Có	Inverse problems	Q1 - SCIE <i>IF: 2.407</i>	4	34, 5, 055007	04/2018
7	Convergence of Proximal Algorithms with Stepsize Controls for Nonlinear Inverse Problems and Application to Sparse Non-negative Matrix Factorization	3	Có	Numerical Algorithms	Q1 - SCIE <i>IF: 3.041</i>	5	85, 4, 1255- 1279	03/2020

8	A Mollification Method for Backward Time- fractional Heat Equation	3	Có	Acta Mathematica Vietnamica	Q3 - Scopus <i>IF: 0.23</i>	2	45 749- 766	06/2020
9	Essentially optimal finite elements for multiscale elliptic eigenvalue problems	3	Có	Advances in Computational Mathematics	Q1 - SCIE <i>IF:</i> <i>1.91</i>		47 80	10/2021
10	Proximal algorithm for minimization problems in 10- regularization for nonlinear inverse problems	2	Có	Numerical Algorithms	Q1 - SCIE <i>IF: 3.041</i>		1-22	02/2022
11	Stability results for backward heat equations with time- dependent coefficient in the Banach space $L_p(\mathbb{R})$	3	Không	Applied Numerical Mathematics	Q1 - SCIE <i>IF: 2.468</i>		175 40- 55	05/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 10 ([1] [2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

Không có

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Đà Nẵng, ngày 23 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)